



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, Tân Kiên, Bình Chánh , Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2015	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 1 năm 2015	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	05 – 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2015	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.602.620.041.138	2.496.670.071.830
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	166.615.516.347	411.281.268.344
111	1. Tiền		166.615.516.347	381.281.268.344
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		43.800.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		43.800.000.000	-
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		798.852.805.816	477.721.935.734
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	590.999.260.937	435.297.676.533
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	196.493.541.259	33.232.883.029
138	5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	17.342.541.758	15.173.914.310
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	5.5	(5.982.538.138)	(5.982.538.138)
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	1.450.181.988.243	1.454.797.547.616
141	1. Hàng tồn kho		1.450.181.988.243	1.454.797.547.616
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		143.169.730.732	152.869.320.136
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	124.387.754
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		128.839.674.867	144.134.779.366
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.488.325.868	538.011.696
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	11.841.729.997	8.072.141.320
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		500.591.533.181	489.244.865.267
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		481.417.223.365	472.210.843.759
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	165.320.247.711	171.922.294.145
222	- Nguyên giá		310.216.753.768	309.352.144.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(144.896.506.057)	(137.429.850.399)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	5.9	19.615.623.510	20.215.623.510
225	- Nguyên giá		25.228.476.068	25.228.476.068
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.612.852.558)	(5.012.852.558)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.10	234.390.494.589	234.470.494.589
228	- Nguyên giá		239.790.756.153	239.790.756.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.400.261.564)	(5.320.261.564)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	62.090.857.555	45.602.431.515
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.308.748.876	8.308.748.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.12	11.661.918.871	11.661.918.871
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	5.13	(3.353.169.995)	(3.353.169.995)
260	V. Lợi thế thương mại	5.14	1.411.605.416	1.411.605.416
270	VI. Tài sản dài hạn khác		9.453.955.524	7.313.667.216
271	1. Chi phí trả trước dài hạn		5.084.445.349	3.540.212.670
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
273	3. Tài sản dài hạn khác	5.15	4.369.510.175	3.773.454.546
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.103.211.574.319	2.985.914.937.097

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2015	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		2.110.556.394.689	1.980.273.212.073
310	I. Nợ ngắn hạn		2.081.019.595.680	1.941.496.170.215
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.16	1.499.096.515.626	1.531.764.472.089
312	2. Phải trả người bán	5.17	298.096.165.634	159.755.124.665
313	3. Người mua trả tiền trước	5.18	65.894.301.243	1.978.615.654
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.19	125.338.108.194	143.749.662.368
315	5. Phải trả người lao động	5.20	9.173.823.591	42.653.544.165
316	6. Chi phí phải trả	5.21	29.798.941.596	48.695.659.931
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.22	38.095.429.338	11.265.273.690
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.526.310.458	1.633.817.653
330	II. Nợ dài hạn		29.536.799.009	38.777.041.858
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	4.404.679.400
333	1. Phải trả dài hạn khác		-	400.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	5.23	29.536.799.009	33.972.362.458
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		853.647.126.159	842.442.078.572
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.24	852.912.826.159	841.707.778.572
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		476.400.000.000	476.400.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.211.680.048	7.211.680.048
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		85.529.940.118	69.091.926.375
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		3.043.485.127	6.408.521.889
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.179.200.938	17.263.178.515
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		263.548.519.928	265.332.471.745
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		734.300.000	734.300.000
432	1. Nguồn kinh phí		734.300.000	734.300.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
500	C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	5.25	139.008.053.471	163.199.646.452
600	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.103.211.574.319	2.985.914.937.097

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2015	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	5.26	7.696.640.082	7.696.640.082
2. Ngoại tệ các loại			
- USD		847.064,22	3.528.169,63
- EUR		94,95	94,50
- LAK		100.000,00	100.000,00

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TÂN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý I năm 2015

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	1.084.104.789.864	1.259.926.999.308	1.084.104.789.864	1.259.926.999.308
03	2. Các khoản giảm trừ	6.2	7.687.570.906	5.035.667.563	7.687.570.906	5.035.667.563
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.3	1.076.417.218.958	1.254.891.331.745	1.076.417.218.958	1.254.891.331.745
11	4. Giá vốn hàng bán	6.4	952.586.810.934	1.136.636.647.452	952.586.810.934	1.136.636.647.452
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.5	123.830.408.024	118.254.684.293	123.830.408.024	118.254.684.293
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.5	462.729.856	1.620.376.296	462.729.856	1.620.376.296
22	7. Chi phí tài chính	6.6	18.007.307.387	28.104.759.419	18.007.307.387	28.104.759.419
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		16.717.967.457	24.382.482.357	16.717.967.457	24.382.482.357
24	8. Chi phí bán hàng	6.7	47.675.357.601	29.029.860.762	47.675.357.601	29.029.860.762
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.8	15.145.283.515	8.126.290.907	15.145.283.515	8.126.290.907
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.465.189.377	54.614.149.501	43.465.189.377	54.614.149.501
31	11. Thu nhập khác	6.9	1.277.544.744	27.000.231.522	1.277.544.744	27.000.231.522
32	12. Chi phí khác	6.10	78.551.466	25.258.920.101	78.551.466	25.258.920.101
40	13. Lợi nhuận khác		1.198.993.278	1.741.311.421	1.198.993.278	1.741.311.421
50	14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-	-	-	-
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.664.182.655	56.355.460.922	44.664.182.655	56.355.460.922
61	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.11	9.729.033.808	11.221.067.316	9.729.033.808	11.221.067.316
62	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.12	-	828.352.557	-	828.352.557
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.935.148.847	44.306.041.049	34.935.148.847	44.306.041.049
	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		5.663.720.305	8.109.371.859	5.663.720.305	8.109.371.859
	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		29.271.428.542	36.196.669.190	29.271.428.542	36.196.669.190
80	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.13	614	912	614	912

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Tổng Giám Đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2015	31/03/2014
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		44.664.182.655	56.355.460.922
	2. Điều chỉnh các khoản		24.453.597.494	30.630.581.942
02	- Khấu hao tài sản cố định		8.146.655.658	12.881.650.274
03	- Các khoản dự phòng		-	(6.633.550.689)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(411.025.621)	-
06	- Chi phí lãi vay		16.717.967.457	24.382.482.357
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.117.780.149	86.986.042.864
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(312.151.724.061)	(177.059.360.757)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.615.559.373	130.729.705.763
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		147.352.410.329	(146.443.644.857)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.419.844.925)	401.887.586
13	- Tiền lãi vay đã trả		(16.717.967.457)	(24.382.482.357)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.803.019.372)	(23.638.698.101)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(20.840.082.704)	(21.040.414.360)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(158.846.888.668)	(174.446.964.219)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.353.035.264)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.800.000.000)	(30.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		545.579.672	379.489.196
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(60.607.455.592)	(30.420.510.804)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		727.242.343.568	813.964.933.759
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(752.453.751.305)	(819.091.343.258)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.211.407.737)	(5.126.409.499)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(244.665.751.997)	(209.993.884.522)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		411.281.268.344	365.203.192.790
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	166.615.516.347	155.209.308.268

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON

LÊ QUỐC PHONG



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Cho Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

1.4 Các công ty con

Tổng các công ty con: 5 công ty.

Số lượng các công ty con hợp nhất: 05 công ty.

Danh sách các công ty con hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành nghề hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Thể thao và quảng cáo	100,00%
2. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%
3. Công ty Cổ phần Bình Điền Mêkong	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%
4. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%
5. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo hướng dẫn của thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.
- Tỷ giá hạch toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là tỷ giá mua bình quân chuyển khoản của những Ngân hàng công ty giao dịch: 21.458 VNĐ/USD.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

▪ Công ty con

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty theo

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

▪ **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư, nếu phát sinh vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản công nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào mức dự kiến tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ **Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định hữu hình:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.7 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của công ty bao gồm:
- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao và quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn sử dụng.
- Phần mềm bản quyền Windows, phần mềm kế toán.

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định vô hình:

- Phần mềm 04 - 07 năm

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, mua sắm tài sản cố định chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình cụ thể.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính được trích lập khi các tổ chức kinh tế được đầu tư bị lỗ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành như sau: với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn của Công ty so với tổng số vốn góp của các bên tại các tổ chức kinh tế.
- Tăng giảm các khoản lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.14 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.15 Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.16 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

4.17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.18 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.19 Phân loại tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

đối với công cụ tài chính. Theo đó, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

4.20 Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Theo đó, các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu: Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

4.21 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.23 Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.24 Nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng: Hàng hóa là phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	3.904.622.953	3.727.799.734
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	162.710.893.394	377.553.468.610
5.1.3	Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000
Tổng cộng		166.615.516.347	411.281.268.344

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn dưới ba tháng.

5.2 Phải thu khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng tại Công ty mẹ	347.571.154.346	163.407.149.902
- Phải thu khách hàng tại các Công ty con	243.428.106.591	271.890.526.631
Cộng	590.999.260.937	435.297.676.533

5.3 Trả trước cho người bán

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước người bán tại Công ty mẹ	193.964.688.244	29.657.223.864
- Trả trước người bán tại các Công ty con	2.528.853.015	3.575.659.165
Cộng	196.493.541.259	33.232.883.029

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	17.342.541.758	15.173.914.310

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	5.982.538.138	5.982.538.138

5.6 Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.6.1	Hàng mua đang đi đường		-
5.6.2	Nguyên liệu, vật liệu	667.402.452.598	451.233.951.009
5.6.3	Công cụ, dụng cụ	5.584.221.007	6.668.586.179
5.6.4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.285.352.208	18.110.577.845
5.6.5	Thành phẩm	720.368.856.594	946.580.981.435
5.6.6	Hàng hóa	33.541.105.836	32.203.451.148
5.6.7	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		1.450.181.988.243	1.454.797.547.616

5.6.2 Nguyên liệu, vật liệu

Chủ yếu là phân bón nguyên liệu đầu vào sản xuất phân bón thành phẩm.

5.6.4 Thành phẩm

Chủ yếu là phân bón thành phẩm các loại.

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	11.841.729.997	8.072.141.320

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

5.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Là tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng thuê số 12.09.11/HĐCTTC-BĐ với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu là Dây chuyền sản xuất phân bón NPK công suất 100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

tấn/năm, thời hạn thuê 7 năm. Và Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ là xe Toyota 16 chỗ, thời hạn thuê 3 năm (tại Công ty mẹ).

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
1. Số dư đầu năm	24.212.050.613	1.016.425.455	25.228.476.068
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	24.212.050.613	1.016.425.455	25.228.476.068
II Giá trị hao mòn lũy kế			
1 Số dư đầu năm	4.988.187.831	24.664.727	5.012.852.558
2. Tăng trong kỳ	600.000.000	-	600.000.000
- Khấu hao trong kỳ	600.000.000	-	600.000.000
- Tăng khác	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	5.588.187.831	24.664.727	5.612.852.558
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	19.223.862.782	991.760.728	20.215.623.510
2. Tại ngày cuối kỳ	18.623.862.782	991.760.728	19.615.623.510

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

5.10 Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	239.265.756.153	525.000.000	239.790.756.153
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	239.265.756.153	525.000.000	239.790.756.153
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	5.004.074.505	316.187.059	5.320.261.564
2. Tăng trong năm	80.000.000		80.000.000
- Khấu hao trong năm	80.000.000		
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	5.084.074.505	316.187.059	5.400.261.564
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	234.261.681.648	208.812.941	234.470.494.589
2. Tại ngày cuối năm	234.181.681.648	208.812.941	234.390.494.589

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là: 50.000.000 đồng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (Bình Điền – Mêkong)	18.821.154.778	14.076.546.203
- Hạng mục Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan (Công ty mẹ)	8.314.416.394	8.314.416.394
- Công trình mở rộng nhà máy sản xuất NPK (Công ty mẹ)	3.649.400.909	3.649.400.909
- Quyền sử dụng đất (*) (Công ty mẹ)	3.192.479.771	3.192.479.771
- Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao (Công ty mẹ)	2.402.439.931	2.228.936.295
- Công trình nhà xưởng (Bình Điền Ninh Bình)	24.220.569.656	12.853.930.827
- Các công trình khác	1.490.396.116	1.286.721.116
Cộng	62.090.857.555	45.602.431.515

(*) Là chi phí phát sinh mua quyền sử dụng đất tọa tại Khu Công nghiệp Đức Hòa III đang hoàn thành thủ tục cấp quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

5.12 Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

5.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà.

5.14 Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

5.15 Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản ký quỹ thuê tài chính.

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	2.674.000.000	2.674.000.000
- Các khoản ký quỹ khác	1.695.510.175	1.099.454.546
Cộng	4.369.510.175	3.773.454.546

5.16 Vay và nợ ngắn hạn

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.16.1	Vay ngắn hạn	1.495.719.262.467	1.524.610.309.129
5.16.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	3.377.253.159	7.154.162.960
Tổng cộng		1.499.096.515.626	1.531.764.472.089

5.16.1 Vay ngắn hạn

STT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁾	429.996.519.391	501.042.456.933
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽²⁾	399.631.281.655	336.412.175.274
3	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽³⁾	84.329.908.101	89.819.927.863
4	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam - TpHCM ⁽⁴⁾	115.843.889.085	54.649.548.675
5	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁵⁾	60.837.351.960	50.374.023.700
6	Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽⁶⁾	57.225.109.900	47.983.270.790

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

7	Ngân Hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽⁷⁾	36.126.594.946	48.305.512.487
8	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN TpHCM ⁽⁸⁾	46.709.587.000	66.723.314.805
9	Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng Bằng Cửu Long - CN Sài Gòn ⁽⁹⁾	9.942.865.000	17.996.616.750
10	Ngân hàng Nông Nghiệp& Phát triển Nông thôn - CN Phú Nhuận ⁽¹⁰⁾	51.927.104.056	71.927.104.056
11	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM ⁽¹¹⁾	-	14.600.000.000
12	Vay cán bộ công nhân viên ⁽¹²⁾	37.605.927.036	37.642.736.883
13	Ngân hàng Nông Nghiệp& Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hiệp Thành ⁽¹³⁾	31.763.751.251	56.765.975.431
14	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Lâm Đồng	9.647.200.000	9.647.200.000
15	Các khoản vay của Công ty Bình Điền Quảng Trị	82.152.405.413	78.152.784.192
16	Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Tây Sài Gòn	41.979.767.673	37.730.546.789
17	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	-	4.837.114.500
Tổng cộng		1.495.719.262.467	1.524.610.309.128

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 14.310076/2014- HỘTDHM/NHCT900-BFC ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2014, Hạn mức 500.000.000.000 đồng ngày 04 tháng 06 năm 2014. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HỘTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số BFL/14-76 ngày 06 tháng 08 năm 2014, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 140149 ngày 27 tháng 02 năm 2014 điều chỉnh lần 2 của Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 07120742 ngày 30/04/2012. Hạn mức 10,000,000,000.00 USD (hoặc tương

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

đương VND). Mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho công ty nhập khẩu và mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay Số BIT.DN.243.290514 ngày 01 tháng 06 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(7) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD/PL2 ngày 08 tháng 04 năm 2014. Hạn mức 3,500,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(9) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long theo Hợp đồng vay Số HM.1059.14/HĐTD ngày 20 tháng 01 năm 2014. Hạn mức 150.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(10) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo Hợp đồng vay Số 1604-LAV-2014 ngày 16 tháng 04 năm 2014. Hạn mức 72.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(11) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM theo Hợp đồng số 0646/14/HDTDHM-DNL/166 ngày 29 tháng 10 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.

(12) Là khoản vay các cán bộ nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

(13) Vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 5412-LAV-20140 ngày 14 tháng 10 năm 2014 2012 với tổng hạn mức tín dụng tối đa tại mọi thời điểm là 150 tỷ đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi tại thời điểm, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần, hiện tại lãi suất đang áp dụng là 7%/năm. Tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất số BM 926981 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/06/2013 với giá trị định giá là 18.418.776.000 đồng. Nhà máy phân bón NPK với giá trị định giá là 6.080.150.000 đồng.

5.16.2 Nợ dài hạn đến hạn trả

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Quảng Trị ⁽¹⁾	-	4.055.811.800
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽²⁾	3.377.253.159	3.098.351.160
Cộng	3.377.253.159	7.154.162.960

(1) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng số 3900-LAV-201101715 được thuyết minh tại mục 5.23.

(2) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng số 12.09.11/HĐTTC-BĐ và Hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

02.10.14/HĐCTTC-BĐ được thuyết minh tại mục 5.23.

5.17 Phải trả người bán

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả nhà cung cấp tại Công ty mẹ	173.704.196.853	94.449.790.242
- Phải trả nhà cung cấp tại các Công ty con	124.391.968.781	65.305.334.423
Cộng	298.096.165.634	159.755.124.665

5.18 Người mua trả tiền trước

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Người mua trả trước tại Công ty mẹ	44.206.116.920	689.198.948
- Người mua trả trước tại các Công ty con	21.688.184.323	1.289.416.706
Cộng	65.894.301.243	1.978.615.654

5.19 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	125.338.108.194	143.749.662.368

5.20 Phải trả người lao động

Số dư cuối năm là quỹ lương còn phải trả người lao động.

5.21 Chi phí phải trả

Chủ yếu là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	29.798.941.596	48.695.659.931

5.22 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	38.095.429.338	11.265.273.690

5.23 Vay và nợ dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ^(*)	10.106.388.009	10.486.139.658

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	19.430.411.000	19.430.411.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quảng Trị	-	4.055.811.800
Cộng	29.536.799.009	33.972.362.458

(*) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(**) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.

5.24 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**5.24.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết xem phụ lục 02.

5.24.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

- Chi tiết vốn góp của một số cổ đông có tỷ lệ trên 5%:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Vốn góp (VND)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	30.966.000	309.660.000.000
- Và các cổ đông khác	35,00	16.674.000	166.740.000.000
Cộng	100,000	47.640.000	476.400.000.000

5.24.3 Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.640.000	47.640.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.640.000	47.640.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	47.640.000	47.640.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.000	47.640.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	47.640.000	47.640.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

5.25 Lợi ích cổ đông thiểu số

Số dư đầu năm	163.199.646.452
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ	5.663.720.305
Giảm trong kỳ	(29.855.313.286)
Số dư cuối kỳ	139.008.053.471

5.26 Nợ khó đòi đã xử lý

Đây là khoản công nợ phải thu khách hàng tại công ty mẹ và công ty con, sau thời gian quá hạn đã tiến hành trích lập dự phòng 100% và xử lý theo quy định.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	1.084.104.789.864	1.259.788.446.033
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	138.553.275
Cộng	1.084.104.789.864	1.259.926.999.308

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Các khoản giảm trừ doanh thu	7.687.570.906	5.035.667.563
Cộng	7.687.570.906	5.035.667.563

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
Doanh thu thuần bán hàng hóa, sản phẩm	1.076.417.218.958	1.254.752.778.470
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	138.553.275
Cộng	1.076.417.218.958	1.254.891.331.745

6.4 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm	952.586.810.934	1.136.636.647.452
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	952.586.810.934	1.136.636.647.452

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Doanh thu từ tiền lãi, doanh thu tài chính khác	462.729.856	1.620.376.296
Cộng	462.729.856	1.620.376.296

6.6 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Chi phí lãi vay, chi phí tài chính khác	18.007.307.387	28.104.759.419
Cộng	18.007.307.387	28.104.759.419

6.7 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài khác	47.675.357.601	29.029.860.762
Cộng	47.675.357.601	29.029.860.762

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Chi phí nhân viên quản lý, dịch vụ mua ngoài khác	15.145.283.515	8.126.290.907
Cộng	15.145.283.515	8.126.290.907

6.9 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Thu nhập khác	1.277.544.744	27.000.231.522
Cộng	1.277.544.744	27.000.231.522

6.10 Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Chi phí khác	78.551.466	25.258.920.101
Cộng	78.551.466	25.258.920.101

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ		6.712.619.824
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con		3.016.413.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		9.729.033.808

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	828.352.557
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	828.352.557

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.271.428.542	36.196.669.190
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.271.428.542	36.196.669.190
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	47.640.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	614	912

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của phát sinh trong năm chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

Khu vực địa lý

Hoạt động của công ty bao gồm bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa và xuất khẩu.

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	997.414.433.073	79.002.785.885	1.076.417.218.958
Giá vốn hàng bán	882.672.459.384	69.914.351.550	952.586.810.934
Lãi gộp	114.741.973.689	9.088.434.335	123.830.408.024
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.123.861.818.445	131.029.513.300	1.254.891.331.745
Giá vốn hàng bán	1.017.954.700.301	118.681.947.151	1.136.636.647.452
Lãi gộp	105.907.118.144	12.347.566.149	118.254.684.293

7.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.615.516.347	411.281.268.344	166.615.516.347	411.281.268.344
Phải thu khách hàng	585.016.722.799	429.315.138.395	585.016.722.799	429.315.138.395
Các khoản phải thu khác	33.553.781.930	27.019.510.176	33.553.781.930	27.019.510.176
Cộng	785.186.021.076	867.615.916.915	785.186.021.076	867.615.916.915
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.528.633.314.635	1.565.736.834.547	1.528.633.314.635	1.565.736.834.547
Phải trả cho người bán	298.096.165.634	159.755.124.665	298.096.165.634	159.755.124.665
Chi phí phải trả	29.798.941.596	48.695.659.931	29.798.941.596	48.695.659.931
Các khoản phải trả khác	38.095.429.338	11.665.273.690	38.095.429.338	11.665.273.690
Cộng	1.894.623.851.203	1.785.852.892.833	1.894.623.851.203	1.785.852.892.833

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

7.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

7.4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác (giá hàng hóa).

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá cả hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Ban Điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của công ty là không đáng kể.

7.4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời hàng tháng, Hội đồng quản trị đều có tiến hành họp để xem xét việc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, rủi ro liên quan tới các khoản phải thu là thấp..

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các đối tác bên ngoài vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

7.4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	1.499.096.515.626	29.536.799.009	1.528.633.314.635
Phải trả cho người bán	298.096.165.634	-	298.096.165.634
Chi phí phải trả	29.798.941.596	-	29.798.941.596
Các khoản phải trả khác	38.095.429.338	-	38.095.429.338
Cộng	1.865.087.052.194	29.536.799.009	1.894.623.851.203
Số đầu năm			
Vay và nợ	1.531.764.472.089	33.972.362.458	1.565.736.834.547
Phải trả cho người bán	159.755.124.665	-	159.755.124.665
Chi phí phải trả	48.695.659.931	-	48.695.659.931
Các khoản phải trả khác	11.265.273.690	-	11.265.273.690
Cộng	1.785.452.892.833	33.972.362.458	1.785.452.892.833

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7.3 Tài sản đảm bảo

Các tài sản đã thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được thuyết minh tại mục số 5.9.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất Q1 năm 2015.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015.

Người lập

TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	157.525.459.340	118.057.836.941	31.036.080.033	2.425.230.230	307.538.000	309.352.144.544
2. Tăng trong năm	314.288.542	461.502.500	88.818.182	-	-	864.609.224
- Tăng do mua mới	100.000.000	417.502.500	88.818.182	-	-	606.320.682
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	214.288.542	44.000.000	-	-	-	258.288.542
- Tăng từ tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	157.839.747.882	118.519.339.441	31.124.898.215	2.425.230.230	307.538.000	310.216.753.768
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	56.666.181.661	61.084.919.966	18.508.878.802	1.124.252.983	45.616.987	137.429.850.399
2. Tăng trong năm	3.082.890.417	3.953.351.254	363.613.156	59.112.380	7.688.451	7.466.655.658
- Khấu hao trong kỳ	3.082.890.417	3.953.351.254	363.613.156	59.112.380	7.688.451	7.466.655.658
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	59.749.072.078	65.038.271.220	18.872.491.958	1.183.365.363	53.305.438	144.896.506.057
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	100.859.277.679	56.972.916.975	12.527.201.231	1.300.977.247	261.921.013	171.922.294.145
2. Tại ngày cuối năm	98.090.675.804	53.481.068.221	12.252.406.257	1.241.864.867	254.232.562	165.320.247.711

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4,068,163,738 đồng.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Quyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

theo Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	397.000.000.000	7.209.536.048	36.132.841.991	3.884.372.667	8.662.044.721	216.223.840.317	669.112.635.744
Tăng trong năm trước	79.400.000.000	2.144.000	32.959.084.384	2.524.149.222	8.601.133.794	229.241.612.749	352.728.124.149
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	180.132.981.321	180.132.981.321
Số dư cuối năm trước, số đầu năm nay	476.400.000.000	7.211.680.048	69.091.926.375	6.408.521.889	17.263.178.515	265.332.471.745	841.707.778.572
Tăng trong năm nay	-	-	16.438.013.743	-	-	29.271.428.542	45.709.442.286
Giảm trong năm nay	-	-	-	3.365.036.762	83.977.577	31.055.380.359	34.504.394.698
Số dư cuối năm nay	476.400.000.000	7.211.680.048	85.529.940.118	3.043.485.127	17.179.200.938	263.548.519.928	852.912.826.159

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Tổng Giám đốc

